

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 01-6-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Trương Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản và đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn P, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:*

- Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

- Bà Dương Thị Bích Th, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người làm chứng:* Ông Võ Thành Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn P trình bày:

Vụ Hè Thu năm 2018, ông có đặt cọc cho ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th số tiền 300.000.000 đồng để ông T, bà Th mua phân thuốc canh tác lúa, đến khi thu hoạch ông mua lại lúa theo giá thị trường. Sau khi nhận tiền của ông thì ông T, bà Th không canh tác lúa mà lấy tiền của ông để đầu tư nuôi cá, khi ông phát hiện sự việc thì ông T và bà Th có trả lại ông số tiền 52.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 248.000.000 đồng.

Đến vụ Đông Xuân năm 2018 – 2019 ông tiếp tục đặt cọc với ông T, bà Th số tiền 45.000.000 đồng. Việc đặt cọc của ông với T, bà Th có ông Võ Thành Đ chứng kiến.

Tổng số tiền ông đã đặt cọc cho ông T, bà Th là 293.000.000 đồng, ông T và bà Th hứa đến thu hoạch vụ lúa Đông Xuân năm 2019 sẽ cân lúa trừ vào số tiền đặt cọc 293.000.000 đồng. Đến hẹn ông T, bà Th không có lúa để cân cho ông nên ông T có ký biên nhận nợ ông số tiền 293.000.000 đồng.

Đến ngày 01/10/2019, ông làm đơn tố cáo ông T đến Công an huyện Tân Hưng, tại Công an ông T thừa nhận nợ ông số tiền 293.000.000 đồng nên ông đồng ý rút đơn tố cáo để thỏa thuận dân sự nhưng ông T, bà Th không hợp tác và cố tình trốn tránh ông.

Nay ông xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th phải liên đới trả cho ông số tiền gốc 183.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và phạt cọc.

Người làm chứng ông Võ Thành Đ trình bày:

Ông Đặng Văn P có hợp đồng thỏa thuận bao tiêu với ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th. Đến khi thu hoạch lúa thì ông T, bà Th không có lúa giao cho ông P, vì ông T và bà Th đã lấy tiền để đầu tư nuôi cá tra bột. Ngày 14/01/2019 ông T có viết biên nhận thừa nhận nợ ông P tổng số tiền 293.000.000 đồng, khi viết biên nhận có ông chứng kiến và ký tên người làm chứng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được, do ông T và bà Th vắng mặt.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ông P khởi kiện ông T, bà Th về việc tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ông P yêu cầu ông T và bà Th phải liên đới trả cho ông số tiền 183.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận vì: Căn cứ vào “Hợp đồng thỏa thuận bao tiêu ngày 14/11/2018 và ngày 15/4/2019” có chữ ký của ông T, bà Th thể hiện ông T và bà Th có ký hợp đồng bao tiêu lúa với ông P. Đến ngày 14/01/2019, ông T chót nợ thiếu ông P số tiền 293.000.000 đồng có ông Võ Thành Đ làm chứng. Tại phiên tòa, ông P thay đổi về số tiền ông T và bà Th còn nợ ông là 183.000.000 đồng (là trong phạm vi yêu cầu khởi kiện). Mặt khác, theo tài liệu Tòa án thu thập trước đây tại cơ quan công an huyện Tân Hưng, ông T cũng thừa nhận có thiếu nợ hợp đồng mua bán lúa của ông P. Đối với ông T và bà Th được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông T và bà Th vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của mình. Ông T và bà Th là vợ chồng, hợp đồng được ký kết trong thời kỳ hôn nhân và mục đích là sản xuất lúa nên ông P yêu cầu ông T và bà Th phải liên đới trả cho ông số tiền 183.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về lãi suất và phạt cọc: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th có địa chỉ tại ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ông T, bà Th được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông T, bà Th nhưng ông T và bà Th vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà Th theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, ông P xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc ông P xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông P yêu cầu ông T, bà Th phải liên đới trả số tiền 183.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, phạt cọc và cung cấp hai hợp đồng thỏa thuận bao tiêu, giấy biên nhận nợ có chữ ký và ghi tên Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Hợp đồng thỏa thuận bao tiêu ngày 14/11/2018 và ngày 15/4/2019 có chữ ký của ông T, bà Th thể hiện ông T, bà Th có ký hợp đồng bao tiêu lúa với ông P. Đến ngày 14/01/2019, ông T viết biên nhận thừa nhận nợ ông P số tiền 293.000.000 đồng và có ông Võ Thành Đ làm chứng, ông Đ cũng xác nhận sự việc này là có thật.

[3.2] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành sao gửi chứng cứ do ông P cung cấp cho ông T, bà Th tiếp cận chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án tiến hành thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T và bà Th biết. Tuy nhiên, ông T và bà Th không phản đối với chứng cứ do ông P cung cấp và ông T, bà Th cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc không có nợ tiền ông P. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[3.3] Theo hồ sơ giải quyết đơn tố cáo của Công an huyện Tân Hưng, ông Phạm Văn T thừa nhận có ký hợp đồng bao tiêu với ông P, nợ ông P số tiền 293.000.000 đồng.

Như vậy, ông T và bà Th có hợp đồng thỏa thuận bao tiêu mua bán lúa với ông P và nợ ông P số tiền 183.000.000 đồng là có thật. Nay ông P yêu cầu ông T, bà Th

phải liên đới trả tiền đặt cọc là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự thì “Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng; Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[3.4] Theo quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của luật này”. Theo biên bản xác minh thì ông T, bà Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2010, hiện nay ông T và bà Th vẫn còn quan hệ là vợ chồng.

Ông T, bà Th là người trực tiếp hợp đồng với ông P và ký tên hợp đồng thỏa thuận bao tiêu. Do đó, ông T, bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông P là có căn cứ.

[3.5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông Pho được chấp nhận nên ông T và bà Th phải liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông P.

Ông Đặng Văn P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Pho được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ (người cao tuổi), Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 328, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 17, 27, 37 luật Hôn nhân gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn P đối với ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th về việc tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”.

Ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn P số tiền 183.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Bích Th phải liên đới chịu 9.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Văn P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Chí Dũng